

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

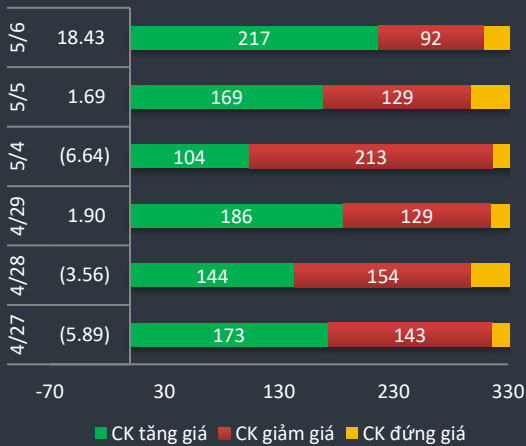
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

### Độ rộng thị trường



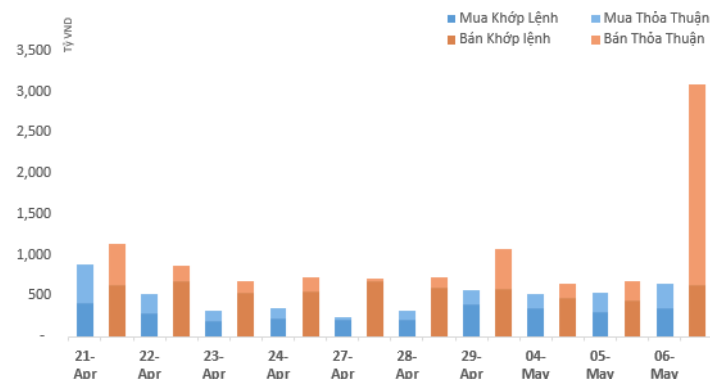
### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HSG	9.3	↑
VPB	6.6	↑
DGW	5.5	↑
PLX	4.5	↑
MSN	4.3	↑
VHC	2.6	↑
DHG	2.2	↑
VEA	2.2	↑
HPG	(8.2)	↓
NVL	(9.6)	↓
VIC	(9.8)	↓
BVH	(12.1)	↓
DBC	(12.7)	↓
VCB	(15.0)	↓
PVS	(18.9)	↓
ACV	(22.5)	↓
CTG	(26.9)	↓
VRE	(27.3)	↓
STB	(40.6)	↓
VHM	(2,175.2)	↓

Thị trường nổi sóng tăng trên 18 điểm với số cổ phiếu tăng áp đảo so với số mã giảm. Thanh khoản có chút cải thiện so với các phiên trước với giá trị giao dịch khớp lệnh sàn HOSE đạt trên 3,400 tỷ. Trong ngày có giao dịch thỏa thuận lớn của khối ngoại bán ra 35.7 triệu cổ phiếu VHM trị giá hơn 2,100 tỷ. Ngoài VHM khối ngoại còn bán ròng STB(-40.6 tỷ), VRE(-27.3 tỷ), CTG(-26.9 tỷ), ACV (-22.5 tỷ). Nếu không tính GDTT của VHM thì khối ngoại cũng bán ròng khoảng 263 tỷ.

Nhóm VN30 chỉ có HDB giảm nhẹ riêng VRE, VHM, GAS, SAB nằm trong top đầu tăng điểm đã dễ dàng kéo chỉ số Vnindex đi rất nhanh. Nhóm cổ phiếu liên quan khu công nghiệp dẫn đầu trong ngày với GVR, SZC tăng trần, D2D, SZL, PHR, TIP đang thiết lập các đỉnh mới. Nhóm cổ phiếu KCN vẫn được chú ý nhiều nhất nhờ tiềm năng phía trước và điểm nổi bật nhiều doanh nghiệp ít có nợ vay.

Có nhiều thông tin hỗ trợ tạo nên sự hưng phấn trong ngày. Giá dầu tăng mạnh đêm hôm trước tạo nên giao dịch đột biến ở nhóm dầu khí. GAS tăng gần 5%. PVD, PVS xanh trên 2%. Cuối ngày giá dầu điều chỉnh giảm nhẹ với giá dầu Brent 30.29 USD, Crude 23.7 USD. EIA dự báo sản xuất khí đốt của Mỹ sẽ giảm xuống mức 91,7 Bcf/ngày vào năm 2020 từ mức kỉ lục 92,2 Bcf/ngày trong năm 2019 khi các công ty năng lượng cắt giảm chi tiêu cho việc khai thác khí.

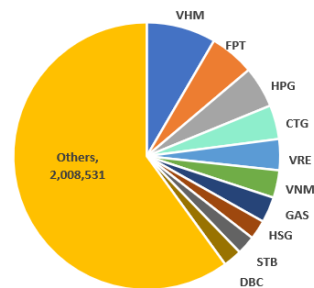


# Vnindex 782.59

▲ +18.43 (+2.41%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GVR	11.9	750	6.76
VRE	25.0	1,450	6.16
VHM	67.0	3,400	5.35
GAS	68.6	3,100	4.73
SAB	158.0	6,300	4.15
FPT	52.9	2,000	3.93
PLX	42.0	1,550	3.84
HPG	22.2	800	3.74
VGI	26.4	900	3.53
BVH	46.5	1,500	3.33
POW	9.9	290	3.00
MSN	58.0	1,600	2.84
VIC	95.0	2,300	2.48
VPB	20.9	500	2.46
ACB	20.8	500	2.46
MWG	81.2	1,900	2.40
TPB	18.0	350	1.99
BID	36.0	700	1.98
SHB	15.5	300	1.97
VEA	37.7	700	1.89
CTG	20.2	350	1.76
BSR	6.0	100	1.69
HVN	26.4	400	1.54
MCH	67.3	900	1.36
VCB	67.6	800	1.20
VNM	101.5	1,000	1.00
MBB	16.0	150	0.95
TCB	17.6	150	0.86
VJC	112.1	600	0.54
NVL	53.0	200	0.38
EIB	15.0	-	-
ACV	56.9	(300)	(0.52)
HDB	21.4	(250)	(1.15)

Thông tin có tác động trực tiếp đến lĩnh vực chứng khoán là Bộ Tài Chính dự định đề xuất tăng hạn mức tín dụng cho ngành chức khoán để kích thích dòng tiền. Bộ Tài chính còn kiến nghị nghiên cứu đề xuất việc lùi thời hạn tổ chức Đại hội cổ đông thêm 3 tháng (đến trước ngày 30/9), giảm thời hạn công bố thông tin mua cổ phiếu quỹ (từ 7 ngày xuống còn 1 – 2 ngày). Việc cho phép doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đủ điều kiện niêm yết thị trường chứng khoán có thể được sớm được thông qua sau thời gian dài chưa thực hiện được.

Những thông tin hỗ trợ tạo nên sự lạc quan ngắn và kích thích dòng tiền nhà đầu tư trở lại thị trường. Dòng tiền chững lại trong khoảng 1 tuần gần đây khi báo cáo doanh nghiệp đã dần công bố. Bức tranh màu xám của doanh nghiệp quý 1 với lợi nhuận giảm hơn -40% chỉ là con số khởi đầu. Những khó khăn sẽ còn phô bày rõ nét hơn trong quý 2 có thể gây lo ngại cho giới đầu tư. Thị trường dù hưng phấn nhưng sẽ không kéo dài lâu và sẽ có nhiều phiên giằng co. Nhà đầu tư vẫn ưu tiên vào những nhóm cổ phiếu có lợi thế riêng như BĐS khu công nghiệp, nhóm ngành hưởng lợi nhờ giá dầu giảm như sẫm lốp và một số cổ phiếu thuộc nhóm thép, xây dựng. Chúng tôi lưu ý ngưỡng kháng cự tâm lý 800 đang rất gần và vẫn là ngưỡng cản khá mạnh đối với thị trường giai đoạn này.

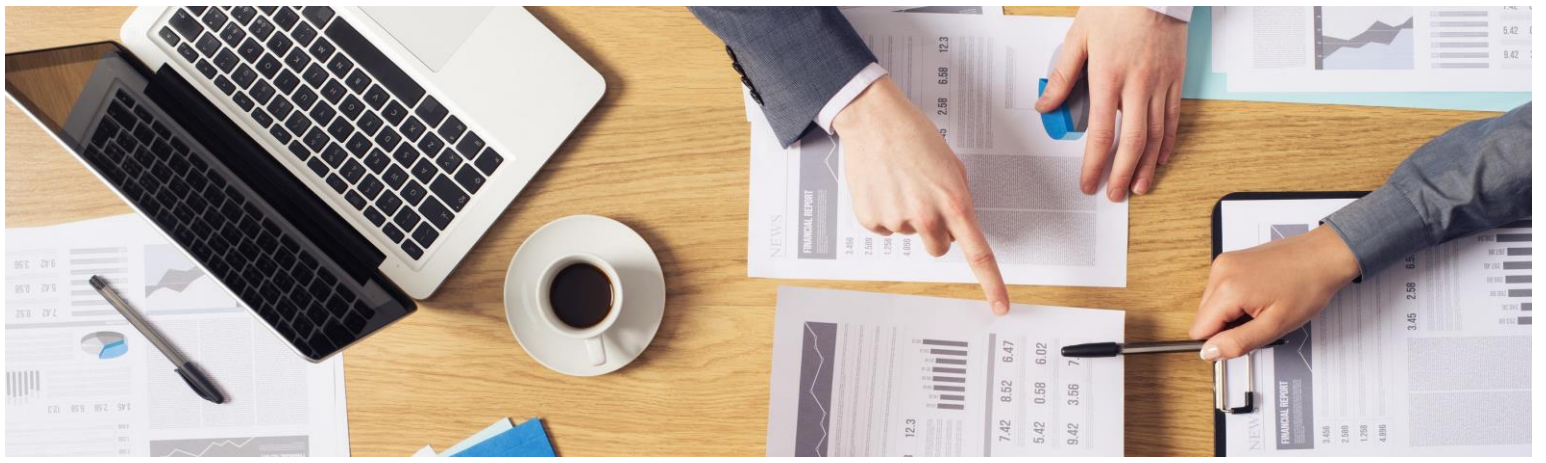
### Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng mua	Close / Support
DRC	20.0	7.80	16	22	Mua quanh 18-19. Nằm giữ	25.0%
VCI	18.4	4.20	15	25	Mua quanh 17. Mục tiêu 20	22.7%
CTD	65.2	1.90	54	69	Mua quanh 55-58	20.7%
AAA	12.0	(5.90)	10.5	15	Mua quanh 11. Mục tiêu 15	14.3%
PHR	44.9	(2.10)	38	50	Mua quanh 38-42. Mục tiêu 50-60	18.2%
D2D	57.0	1.80	42	65	Nằm giữ - mục tiêu 65	35.7%
VCB	67.6	1.20	60	80	Mua quanh 60 - 65. Mục tiêu 80	12.7%
FPT	52.9	4.30	40	60	Mua quanh 40-45	32.3%
VNM	101.5	(1.30)	90	120	Mua quanh 95-100. Mục tiêu 120	12.8%
TLG	31.2	(0.20)	26	40	Mua quanh 28-30. Mục tiêu 40	20.0%



## Cổ phiếu đang dò đáy:

Ticker	Close	% 1D	% tuần trước	Tăng so với Đáy	So với đỉnh 1Y	Vol 3T	RSI	StochK
IBC	20.2	0.00	(1.20)	4.90	(9.20)	109,116	28.5	67.1
NVB	7.8	(1.27)	(2.50)	9.90	(19.60)	2,388,335	36.9	46.7
ROS	3.6	0.56	(7.00)	10.70	(88.40)	13,752,049	37.1	16.3
EIB	15	0.00	(0.70)	2.40	(20.40)	414,919	37.7	52.8
MBS	9	(1.10)	(1.10)	7.10	(36.80)	72,383	40	88.9
VND	10.9	1.87	(0.50)	1.90	(31.20)	651,452	40.4	30.8
CRE	15.2	1.33	(0.70)	2.70	(41.30)	185,409	41	21.1
BOT	54	0.93	0.90	3.80	(6.10)	28,336	41.4	57.5
FLC	2.9	1.76	(3.70)	16.50	(43.30)	10,605,899	42.7	24.7
PNJ	56.5	0.89	(2.60)	23.10	(37.30)	850,367	43.7	14.6
FIT	5.8	1.40	(17.10)	89.50	(46.50)	808,144	43.7	5.3
LDG	4.8	2.77	(1.20)	16.40	(58.70)	3,859,848	43.9	37.8
VCB	67.6	1.20	1.20	18.20	(28.50)	1,447,779	44.3	51.2
DPG	23.9	(0.42)	(1.60)	12.20	(55.20)	343,669	44.5	46.7
DCL	20.2	(2.42)	(11.80)	25.90	(36.90)	160,373	44.9	4.8
HBC	7.5	0.40	(6.00)	24.10	(55.90)	3,360,066	45.6	19.8
LTG	17.2	0.58	(11.80)	33.30	(26.10)	173,908	45.8	22.0
VNG	13.3	0.00	(4.70)	10.80	(40.90)	241,716	46.3	26.3
GEX	15.2	1.00	(4.10)	13.40	(33.80)	1,275,559	46.4	27.1
CTI	19.7	3.68	3.70	3.70	(23.00)	175,762	46.7	75.6
VIB	14.4	0.70	0.00	13.40	(23.40)	1,049,322	46.8	33.3
HVG	5.5	2.04	(4.80)	118.70	(37.70)	150,474	46.8	23.7



## Thống kê nhóm cổ phiếu lớn:

Ticker	Close	Vol 3T	RSI	StochK	Tăng so với Đáy 1Y	Giá so với đỉnh 1Y	Low 52W	High 52W	EPS	BV	PE	P/Bv
SHB	15.5	9,182,561	53.8	27.2	216.3%	-13.9%	4.9	18	2,043	15,551	7.59	1.00
HVN	26.4	1,340,312	60.3	32.4	48.3%	-40.0%	17.8	44	1,645	13,106	16.05	2.01
BVH	46.5	599,162	52.1	37.1	44.0%	-46.4%	32.3	86.8	1,551	26,678	29.98	1.74
GVR	11.9	907,658	64.9	78.4	43.4%	-28.3%	8.3	16.6	831	12,689	14.32	0.94
VRE	25	2,981,393	56.2	73.5	41.2%	-33.3%	17.7	37.5	1,224	11,860	20.42	2.11
MWG	81.2	1,561,476	52.9	28.8	37.9%	-36.6%	58.9	128	8,660	27,431	9.38	2.96
HPG	22.2	8,486,392	62.8	41.7	37.0%	-15.6%	16.2	26.3	3,023	17,307	7.34	1.28
SAB	158	86,178	50.9	9.1	36.8%	-44.0%	115.5	282.1	7,880	31,306	20.05	5.05
VIC	95	959,392	54.5	63.3	32.9%	-24.7%	71.5	126.1	2,280	35,802	41.67	2.65
FPT	52.9	2,106,093	64.5	66.6	30.9%	-13.3%	40.4	61	4,796	24,768	11.03	2.14
GAS	68.6	805,248	58.1	74.8	27.3%	-37.6%	53.9	109.9	6,219	25,923	11.03	2.65
HDB	21.4	1,720,108	52.3	90.6	23.7%	-28.7%	17.3	30	3,675	19,442	5.82	1.10
VPB	20.9	4,218,232	51.5	43.1	22.9%	-27.4%	17	28.8	3,373	17,315	6.20	1.21
PLX	42	953,780	55	63.6	22.4%	-33.0%	34.3	62.7	3,617	21,800	11.61	1.93
VHM	67	1,204,202	51.6	35.9	22.3%	-32.7%	54.8	99.5	6,366	19,686	10.52	3.40
VNM	101.5	1,660,566	55.6	39.4	21.3%	-23.9%	83.7	133.4	6,076	17,073	16.71	5.95
BID	36	1,258,534	48	54	19.6%	-35.1%	30.1	55.5	2,379	19,307	15.13	1.86
MSN	58	2,195,351	54.6	18.6	18.4%	-34.4%	49	88.4	4,765	44,389	12.17	1.31
VCB	67.6	1,447,779	44.3	51.2	18.2%	-28.5%	57.2	94.5	4,996	21,808	13.53	3.10
TCB	17.6	2,316,312	51.9	70.6	18.1%	-29.9%	14.9	25.1	2,967	17,734	5.93	0.99
MBB	16	6,534,910	47.3	48.3	17.6%	-31.9%	13.6	23.5	3,596	17,150	4.45	0.93
CTG	20.2	6,688,740	51.8	76.2	17.4%	-27.3%	17.2	27.8	2,541	20,775	7.95	0.97
VJC	112.1	349,637	51.5	24.2	17.0%	-24.4%	95.8	148.2	7,881	29,236	14.22	3.83
ACB	20.8	4,480,787	52.5	55.6	16.9%	-21.8%	17.8	26.6	4,335	16,761	4.80	1.24
NVL	53	693,985	57.8	37.8	3.9%	-17.2%	51	64	3,682	25,230	14.39	2.10

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

VRE	6.16
VRE	6.16
PC1	6.71
HAX	6.80
KDC	6.85
CTD	6.89
RAL	6.92
SZC	6.94
SVC	6.94
SJS	6.96
VNE	6.98
PAN	6.99
QCG	6.99
TIX	7.00

## Top tăng giá HNX

ITQ	4.00
NAG	5.13
DST	5.26
KDM	5.88
QNC	7.41
TKC	7.69
SJE	8.24
MPT	8.33
SRA	8.47
VHE	8.70
VC7	9.76
VNT	9.88
SPP	25.00

**TDH** - CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức - Công bố báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý I/2020 với doanh thu thuần đạt hơn 570 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ 18 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lãi 20 tỷ đồng.

**DGC** - Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - Công bố kế hoạch kinh doanh quý II với doanh thu hợp nhất là 1.552 tỷ đồng, tăng 17% so với mức thực hiện quý II/2019. Lợi nhuận sau thuế dự kiến 185 tỷ đồng, tăng 15%.

**GMD** - CTCP Gemadept - Đã công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2020 với doanh thu đạt 601 tỷ đồng, giảm nhẹ 4% so với quý I/2019. Lợi nhuận sau thuế giảm 16% xuống còn 122,5 tỷ đồng.

**GEG** - CTCP Điện Gia Lai - Công bố Nghị quyết về việc góp 198 tỷ đồng, tương đương 99% vốn điều lệ CTCP Điện gió La Bang. Công ty đặt mục tiêu đến năm 2025 sẽ có 9 nhà máy điện gió với công suất 500 MW-700 MW. Trong khi đó, theo Quy hoạch Điện VII điều chỉnh, Việt Nam đặt mục tiêu đưa tổng công suất điện gió lên khoảng 2.000 MW năm 2025.

**VSH** - CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh - Đã thông qua phương án thoái vốn toàn bộ hơn 969.000 cổ phần sở hữu tại CTCP Du lịch Bình Định bằng cách đấu giá trọn lô, với giá khởi điểm hơn 116,3 tỷ đồng.

**ASM** - Tập đoàn Sao Mai - Đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2020 là 14.700 tỷ đồng, tăng nhẹ 3% so với mức thực hiện năm 2019. Lợi nhuận sau thuế dự kiến 870 tỷ đồng, tăng gần 6%.

**CTI** - CTCP Đầu tư phát triển Cường Thuận Idico - Đã thông qua phương án mua tối đa hơn 15,4 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, tương đương 24,5% số cổ phiếu đang lưu hành theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.

**DHG** - CTCP Dược Hậu Giang - Ngày 11/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 12/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 30%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/6/2020.

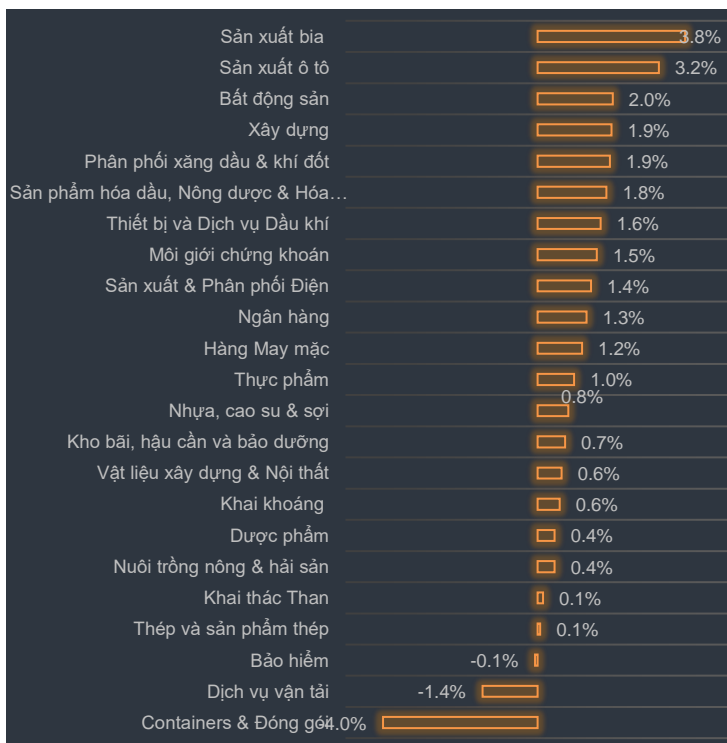
**TAC** - CTCP Dầu thực vật Tường An - Ngày 13/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 14/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/6/2020.



Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng Q1/2020	+/- Cùng kỳ(%)	EPS Lũy kế 4 quý	P/E Hiện tại
2	3	4	5	6	7
DDG	HNX	0.58	(72.7)	1,068	26.4
CRE	HOSE	43.25	(45.4)	4,356	3.5
CTF	HOSE	0.50	(98.0)	279	78.1
GKM	HNX	1.45	317.9	295	57.6
NAP	HNX	2.69	115.6	459	28.5
TTL	HNX	1.07	641.1	449	14.5
CDN	HNX	56.10	36.9	2,021	8.9
SZB	HNX	20.94	5.3	3,254	9.2
HUB	HOSE	10.66	(7.6)	4,155	3.8
SII	HOSE	(9.06)	(190.7)	423	47.2
BCF	HNX	24.24	209.1	4,653	11.8
L14	HNX	7.72	(51.9)	4,122	13.8
DSN	HOSE	4.43	(77.5)	6,621	6.6
TDW	HOSE	10.58	82.5	2,921	8.0
SZC	HOSE	53.66	189.8	1,706	9.7
WCS	HNX	15.76	(6.2)	27,013	5.8
PDN	HOSE	31.22	(7.9)	8,077	7.7
LIX	HOSE	64.08	66.5	6,308	8.4
HGM	HNX	1.78	(61.1)	291	123.7
TV3	HNX	1.24	69.9	2,121	10.8
NNC	HOSE	21.25	(19.4)	5,370	8.4
D2D	HOSE	48.71	24.4	21,864	2.5
BTP	HOSE	28.30	20,622.0	3,872	4.1
BSI	HOSE	(60.73)	(277.1)	155	52.3
PSI	HNX	0.08	(99.3)	117	17.9
ART	HNX	(38.04)	(1,023.6)	409	5.6
BTW	HNX	20.80	104.0	4,660	10.5
NET	HNX	32.16	108.1	4,377	11.2
GDW	HNX	4.75	(38.6)	1,518	25.9
IVS	HNX	6.46	267.7	(1,023)	(7.7)
APG	HOSE	2.51	13.1	855	10.8
DBC	HOSE	348.72	1,638.7	7,004	3.5
VCS	HNX	304.29	17.2	9,197	6.6
VC3	HNX	0.33	(97.1)	1,141	14.6
TNG	HNX	33.59	(10.0)	3,748	3.2
UIC	HOSE	15.51	27.7	7,862	5.0
VMC	HNX	0.87	(85.0)	633	15.3
SC5	HOSE	5.25	(55.4)	1,819	10.1
BVS	HNX	(22.70)	(177.3)	1,143	7.8

VDS	HOSE	(88.37)	(517.9)	(748)	(7.9)
SJD	HOSE	13.92	(28.1)	2,149	7.7
FMC	HOSE	40.31	(1.4)	5,213	4.1
ABT	HOSE	0.71	(93.6)	3,362	10.5
DHA	HOSE	16.43	(1.5)	4,596	7.2
SSC	HOSE	3.48	(83.8)	4,193	12.7
AAV	HNX	3.78	(39.8)	854	6.0
CAG	HNX	0.62	(27.3)	271	317.0
TDM	HOSE	30.53	(14.7)	2,148	8.8
S4A	HOSE	1.94	(77.8)	2,541	10.4
SKG	HOSE	5.49	(80.8)	1,414	6.5
PVB	HNX	48.70	504.0	4,692	3.0
MCF	HNX	3.04	47.6	1,040	8.7
PIC	HNX	2.39	(77.5)	316	27.2
BAX	HNX	4.90	(88.1)	5,955	6.6
PGD	HOSE	49.71	15.2	2,670	11.8
EVS	HNX	(11.30)	(292.5)	(151)	(53.6)
CCI	HOSE	8.46	182.1	1,999	6.9
FTS	HOSE	(97.23)	(194.4)	119	93.3
PPC	HOSE	135.18	(44.3)	3,618	6.6
STC	HNX	0.54	(66.0)	2,545	5.6
TNC	HOSE	24.77	1,633.5	3,190	4.9
HJS	HNX	10.78	49.3	2,501	9.6
GTA	HOSE	4.68	(0.5)	1,859	6.1
VTB	HOSE	3.75	10.3	1,227	8.1
SMC	HOSE	10.21	(71.1)	1,302	8.8
CLC	HOSE	25.25	(18.3)	5,147	5.2
CAN	HNX	3.71	1,216.1	3,609	5.9
AGR	HOSE	13.03	(28.9)	297	9.3
CNG	HOSE	13.53	5.8	3,142	6.8
SBA	HOSE	6.12	(77.2)	1,282	10.9
VTJ	HNX	(0.53)	(108.9)	614	10.1
DHT	HNX	31.38	32.8	4,506	10.9
IMP	HOSE	41.11	13.2	3,385	15.4
HRC	HOSE	0.83	34.6	263	131.9
SMB	HOSE	19.11	(53.9)	6,187	4.8
PHR	HOSE	137.97	31.6	3,755	11.3
PGT	HNX	6.32	1,807.2	(576)	(8.5)
VHL	HNX	23.27	(11.1)	4,981	4.5
BRC	HOSE	4.49	1.3	1,572	7.1
AAM	HOSE	0.67	(78.9)	565	20.2
TRC	HOSE	20.31	416.0	3,325	7.7
SAF	HNX	12.13	2.3	5,338	11.1
HAX	HOSE	5.45	17.1	1,437	7.0
DPC	HNX	0.52	(36.7)	2,429	3.7
DRL	HOSE	12.16	(35.2)	5,164	10.0
TET	HNX	0.98	(71.3)	763	39.6
HVG	HOSE	(254.00)	(1,502.4)	(2,779)	(2.1)
HSG	HOSE	181.11	198.6	1,157	5.6
SJ1	HNX	5.24	107.4	1,337	18.7
SFC	HOSE	9.10	(14.0)	-	-
CAP	HNX	6.75	82.0	-	-

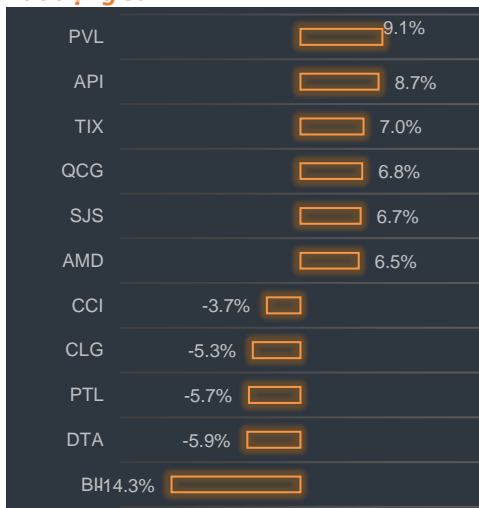
# Tăng giảm ngành trong ngày



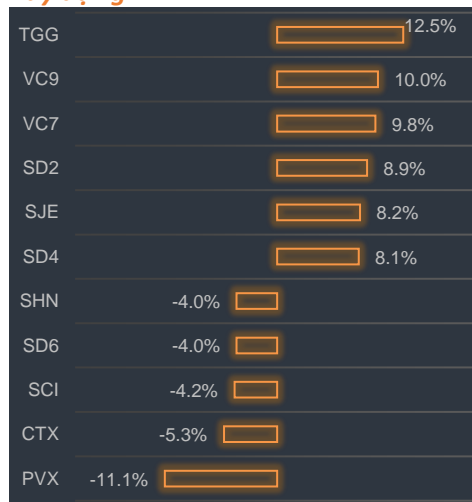
## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	PVL, API, TIX
<b>Xây dựng:</b>	TGG, VC9, VC7
<b>Dầu khí:</b>	PCG, GAS, PVG
<b>Chứng khoán:</b>	HBS, TVB, APS
<b>Ngân hàng:</b>	ACB, VPB, TPB

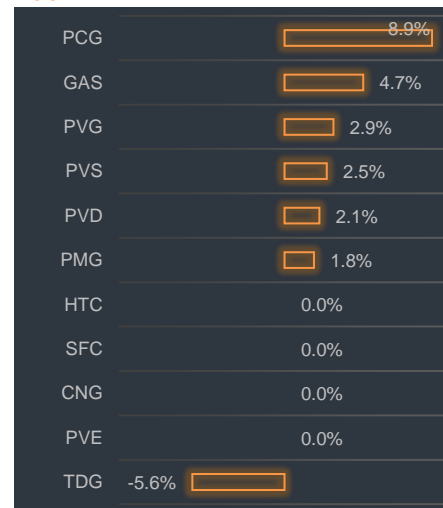
### Bất động sản



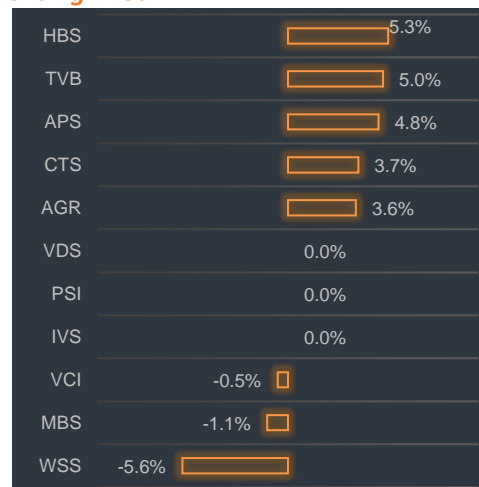
### Xây dựng



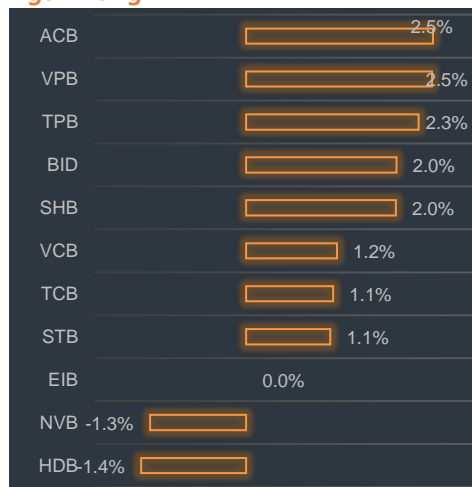
### Dầu khí



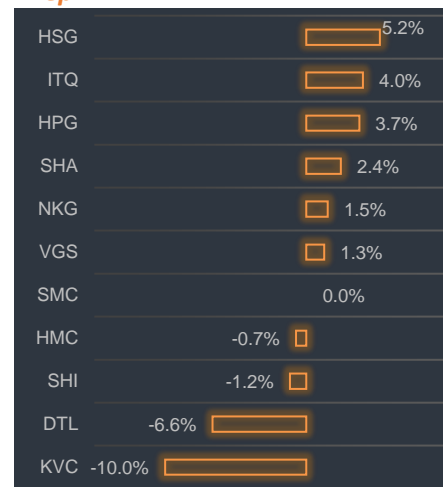
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép







## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.710 888 48

Fax: 028 3915 2931